

GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tạ Hoàng Thiện*
Lương Thị Ánh Ngọc**

Tóm tắt:

Quá trình nghiên cứu sử dụng các bảng hỏi PO, bảng hỏi V.P.Dakharov, bảng hỏi đánh giá mức độ và phạm vi giao tiếp của cá nhân, bảng hỏi xác định độ cởi mở của cá nhân được kiểm định độ tin cậy và độ phù hợp, đảm bảo đo lường được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu. Mục đích nghiên cứu chính của bài báo là nhằm tìm hiểu một số đặc điểm giao tiếp của sinh viên ngành giáo dục thể chất tại Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, xác định 9 giải pháp để nâng cao khả năng giao tiếp cho sinh viên ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng tốt hơn.

Từ khóa: Giao tiếp, giáo dục thể chất, giải pháp, sinh viên, Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.

Solutions to enhance communication ability for students specialized in Physical Education at Ho Chi Minh City University of Physical Education and Sports

Abstract:

The research using the PO questionnaires, the V.P.Dakharov questionnaires, the questionnaires assessing the level and scope of personal communication, and the questionnaires of individual communicate are determined the reliability and suitable level, ensuring measure of core content of the studied subject. The main purpose of the article is to survey some of the communication characteristics of students in physical education of HCM University of Physical Education & Sports. From that, identify 9 solutions to improve communication ability for students of the Physical Education Branch of the HCM University of Physical Education and Sports better and better.

Key words: Communication, physical education, solutions, students, HCM University of Physical Education& Sports.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đối với việc dạy học GDTC, giao tiếp không những có vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách người giáo viên GDTC mà còn là một bộ phận cấu thành hoạt động sư phạm TDTT, là thành phần chủ đạo trong cấu trúc năng lực sư phạm của người giáo viên GDTC. Bên cạnh việc đòi hỏi phải có năng lực thị phạm động tác chính xác cho học sinh quan sát thì người giáo viên GDTC còn phải giảng giải cho học sinh hiểu kỹ thuật và ý nghĩa động tác đó như thế nào. Chính vì vậy, việc rèn luyện năng lực giao tiếp cho sinh viên ngành GDTC là vấn đề cấp thiết.

Trên cơ sở đó, việc xác định các giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp cho sinh viên Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh có ý nghĩa thực tiễn cao trong công tác giáo dục và đào tạo sinh viên GDTC trở thành người thầy dạy học GDTC ngày càng có chất lượng hơn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu;

Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi;

Phương pháp toán học thống kê.

Đặc biệt là phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi

*TS, Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh

**PGS.TS, Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh

như: Bảng hỏi PO để đánh giá nhu cầu giao tiếp hàng ngày của sinh viên Ngành GDTC; Bảng hỏi V.P.Dakharov để đánh giá khả năng giao tiếp hàng ngày của sinh viên Ngành GDTC; Bảng hỏi đánh giá mức độ và phạm vi giao tiếp của cá nhân; Bảng hỏi xác định độ cởi mở của cá nhân. Các biến lượng của các bảng hỏi đều có hệ số tin cậy (Reliability Coefficients) Cronbach's Alpha > 0.811. Kết quả này cho thấy các nội dung và cấu trúc của bảng hỏi đều được sử dụng tốt để đo lường những vấn đề nghiên cứu chủ yếu. Số lượng mẫu nghiên cứu: Lượng mẫu phỏng vấn độ tin cậy và độ phù hợp của các bảng hỏi bao gồm 18 chuyên gia tâm lý, giảng viên; lượng mẫu đo lường kỹ năng giao tiếp là 300 sinh viên năm cuối khóa 36 Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp.Hồ Chí Minh.

Bảng 1. Nhu cầu giao tiếp hàng ngày của sinh viên Ngành GDTC

STT	Mức độ nhu cầu	Kết quả khảo sát (n= 300)		
		Số lượng	Tỷ lệ%	Xếp bậc
1	Mức cao	150	50	1
2	Mức trung bình cao	65	21.7	2
3	Mức trung bình	48	16	3
4	Mức trung bình thấp	17	5.6	5
5	Mức thấp	20	6.7	4
	Tổng	300	100	

Qua bảng 1 cho thấy: Nhu cầu giao tiếp của sinh viên có sự phân hóa khá rõ ở cả 5 mức độ và theo tỷ lệ (%) ở các mức độ rất khác nhau. Phần lớn sinh viên có nhu cầu giao tiếp ở mức cao và chiếm (50%), xếp bậc 1; ở mức trung bình cao chiếm (21.7%), xếp bậc 2; ở mức trung bình chiếm (16%), xếp bậc 3; Ở mức nhu cầu thấp chiếm (6.7%), xếp bậc 4; còn ở mức nhu cầu trung bình thấp chiếm (5.6%), xếp bậc 5. Mức độ nhu cầu cao nhất và thấp nhất ta có độ chênh lệch nhau rất rõ (43.3%). Ngay các mức độ kề nhau như mức cao và mức trung bình cao có độ chênh lệch là (28.3%) hay mức trung bình cao và mức trung bình cũng có chênh lệch (5.7%).

Qua phân tích trên cho thấy: Nhu cầu giao tiếp của sinh viên ngành GDTC là rất cao và phân bố ở cả 5 mức nhu cầu nhưng tỷ lệ (%) ở các mức độ là không đều. Ở mức nhu cầu cao xếp bậc 1 và mức nhu cầu trung bình thấp xếp

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đặc điểm giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh

Thông qua tham khảo tài liệu, tính hệ số tin cậy biến tổng và hệ số tin cậy từng biến lượng, chúng tôi xác định được 4 nội dung đo lường đặc điểm giao tiếp cho sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Nhu cầu giao tiếp hàng ngày của sinh viên; Nội dung giao tiếp hàng ngày của sinh viên; Khả năng giao tiếp của sinh viên; Mức độ cởi mở trong giao tiếp của sinh viên

1.1. Nhu cầu giao tiếp hàng ngày của sinh viên ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng bảng hỏi P.O. Kết quả trình bày ở bảng 1.

bậc thấp nhất có độ chênh lệch nhau rất lớn là (44.4%); ngay giữa hai thứ bậc liền kề nhau như bậc 1 và bậc 2 hay giữa bậc 3 và bậc 4 cũng chênh lệch rõ rệt (28.3% và 9.3%).

1.2. Nội dung giao tiếp hàng ngày của sinh viên

Tiếp đến, chúng tôi sử dụng bảng hỏi gồm 18 nội dung nhằm tìm hiểu trong quá trình giao tiếp hàng ngày của các sinh viên GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh thường trao đổi với nhau về nội dung nào? Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy:

- Nhóm thường xuyên quan tâm: Các nội dung được quan tâm nhiều tập trung vào các nội dung thuộc chuyên môn như: Nội dung thể thao chiếm tỷ lệ 89.7%, xếp bậc 1/18; Nội dung học tập chiếm tỷ lệ 88.3%, xếp bậc 2/18; Nội dung sinh hoạt hàng ngày chiếm tỷ lệ 77.3%, xếp bậc 3/18; Các nội dung ít được quan tâm thuộc các

Bảng 2. Nội dung giao tiếp hàng ngày của sinh viên Ngành GDTC

Mã hóa	Nội dung giao tiếp	Kết quả khảo sát (n = 300)								
		Thường xuyên			Không thường xuyên			Không bao giờ		
		m _i	%	XB	m _i	%	XB	m _i	%	XB
NG1	Nội dung học tập	265	88.30	2	35	11.70	17	0	0.00	16
NG2	Phương pháp học tập	184	61.30	6	115	38.40	10	1	0.30	15
NG3	Nghịệp vụ sư phạm	92	30.70	11	174	58.00	5	34	11.30	6
NG4	Tình bạn	225	75.00	4	60	20.00	15	15	5.00	12
NG5	Tình yêu	119	39.70	9	129	43.00	9	52	17.30	5
NG6	Hôn nhân	13	4.30	18	103	34.30	11	184	61.40	1
NG7	Tình dục	35	11.70	14	132	44.00	8	133	44.30	3
NG8	Sinh hoạt hàng ngày	232	77.30	3	57	19.00	16	11	3.70	13
NG9	Thời trang	95	31.70	10	197	65.60	4	8	2.70	14
NG10	Phim ảnh, các trò giải trí	119	39.70	8	155	51.70	7	26	8.60	9
NG11	Thể thao	269	89.70	1	30	10.00	18	1	0.30	15
NG12	Việc phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện	216	72.00	5	84	28.00	13	0	0.00	16
NG13	Các tệ nạn xã hội	58	19.30	13	61	20.30	14	181	60.30	2
NG14	Các vấn đề thời sự, chính trị	68	22.70	12	199	66.30	3	33	11.00	7
NG15	Nhận xét, đánh giá về người khác	34	11.30	16	246	82.00	1	18	6.00	11
NG16	Việc làm thêm	42	14.00	15	173	57.70	6	85	28.30	4
NG17	Việc làm khi ra trường	182	60.70	7	92	30.60	12	26	8.70	8
NG18	Vấn đề khác	33	11.00	17	244	81.30	2	23	7.70	10

Ghi chú: XB: Xếp bậc; SL: Số lượng

nội dung hôn nhân và tình dục, chiếm tỷ lệ % và xếp bậc rất thấp tương ứng là (4.3%; 11.7%) và (18; 14).

- Nhóm không thường xuyên quan tâm: Trong nhóm không thường xuyên quan tâm các nội dung tập trung chủ yếu là nội dung 15 (Nhận xét, đánh giá về người khác) chiếm tỷ lệ 82%, xếp bậc 1/18; Nội dung 2 (Vấn đề khác) chiếm tỷ lệ 81.3%, xếp bậc 2/18; Nội dung 14 (Các vấn đề thời sự, chính trị) chiếm tỷ lệ 66.3%, xếp bậc 3/18; Còn các nội dung học tập và thể thao đã được thường xuyên quan tâm nên tỷ lệ % và xếp bậc trong nhóm đôi khi quan tâm rất thấp.

- Nhóm không bao giờ quan tâm: Các nội dung về hôn nhân, tình dục và các tệ nạn xã hội chiếm tỷ lệ % cao nhất và xếp bậc lớn nhất, nghĩa là những nội dung này các sinh viên không quan tâm nhiều nhất, đồng nghĩa với việc sinh viên Ngành GDTC đã ý thức được tác hại của các vấn đề này không tốt cho việc học tập.

1.3. Khả năng giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh

Để đánh giá thực trạng khả năng giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC của Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh, chúng tôi sử dụng bảng hỏi trắc nghiệm giao tiếp của V.P.Dakharov. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy, kỹ năng giao tiếp của các sinh viên Ngành GDTC được phân bố ở cả 4 nhóm và ở cả 4 mức độ nhưng hầu hết là ở mức thấp và mức trung bình. Trong cả bốn nhóm kỹ năng thì mức thấp và mức trung bình đều được xếp bậc cao (bậc 1 và 2). Mức cao và mức trung bình cao ở cả 4 nhóm kỹ năng còn xếp bậc thấp và chiếm tỷ lệ rất ít.

1.4. Mức độ cởi mở trong giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh



Kỹ năng giao tiếp là kỹ năng quan trọng để truyền thụ kiến thức trong quá trình giao tiếp sư phạm giữa giáo viên và học sinh

Bảng 3. Khả năng giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC

Nhóm	Khả năng giao tiếp	Kết quả khảo sát (n = 300)		
		m _i	Tỷ lệ %	Xếp bậc
1	Mức thấp	96	32.00	2
	Mức trung bình	139	46.30	1
	Mức trung bình cao	53	17.70	3
	Mức cao	12	4.00	4
	Tổng	300	100	
2	Mức thấp	110	36.70	1
	Mức trung bình	97	32.30	2
	Mức trung bình cao	66	22.00	3
	Mức cao	27	9.00	4
	Tổng	300	100	
3	Mức thấp	118	39.30	1
	Mức trung bình	92	30.70	2
	Mức trung bình cao	84	28.00	3
	Mức cao	6	2.00	4
	Tổng	300	100	
4	Mức thấp	217	72.30	1
	Mức trung bình	60	20.00	2
	Mức trung bình cao	21	7.00	3
	Mức cao	2	0.70	4
	Tổng	300	100	

Để đánh giá mức độ cởi mở trong giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC, chúng tôi sử dụng bảng hỏi V.P.Dakhaev. Kết quả được xếp thành 7 mức: Mức 1 mức rất cao; mức 2 mức cao;

mức 3 mức trung bình cao; mức 4 mức trung bình; mức 5 mức trung bình thấp; mức 6 mức thấp; mức 7 mức rất thấp. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Mức độ cởi mở cá nhân trong giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC

Mức độ	Kết quả khảo sát (n =300)		
	m _i	Tỷ lệ %	Xếp bậc
Mức 1	1	0.3	6
Mức 2	6	2	5
Mức 3	45	15	3
Mức 4	147	49	1
Mức 5	93	31	2
Mức 6	7	2.4	4
Mức 7	1	0.3	6
Tổng	300	100	

Kết quả bảng 4 cho thấy: Mức độ cởi mở cá nhân trong giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC tập trung ở mức trung bình (hay mức vừa phải). Xét về tổng thể thì các mức độ được xếp bậc cao từ 1;2;3; tập trung vào các mức độ: trung bình, trung bình thấp và trung bình cao. Còn mức rất cao, mức cao và mức thấp, mức rất thấp có xếp bậc 4;5;6 chiếm tỷ lệ rất thấp từ (0.3%) đến (2%).

2. Một số giải pháp nâng cao khả năng giao tiếp cho sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh

2.1. Đề xuất một số giải pháp dựa theo kết quả phân tích đặc điểm giao tiếp của sinh viên

Căn cứ vào kết quả phân tích một số đặc

điểm giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC, chúng tôi đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh như sau:

- Giải pháp 1: Giáo dục, nâng cao nhu cầu giao tiếp, mở rộng phạm vi giao tiếp, kích thích lòng mong muốn trao đổi tri thức, kinh nghiệm và chia sẻ cảm xúc với những người xung quanh, đặc biệt là trong sinh viên Ngành GDTC.

- Giải pháp 2: Tăng cường trang bị và củng cố cho sinh viên ngành GDTC hệ thống tri thức về các môn Tâm lý học, Giáo dục học và Giao tiếp sư phạm.

- Giải pháp 3: Trang bị cho sinh viên ngành GDTC hệ thống cách thức tự đánh giá nội dung, nhu cầu, kỹ năng giao tiếp của bản thân và kỹ năng giao tiếp nhóm.

- Giải pháp 4: Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực, có khả năng phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo, tạo điều kiện cho sinh viên Ngành GDTC rèn luyện kỹ năng giao tiếp.

- Giải pháp 5: Cần tăng cường hình thức thảo luận nhóm, xêmina hoặc diễn các tiểu phẩm liên quan đến nội dung bài học do sinh viên tự tổ chức.

- Giải pháp 6: Tăng cường đưa sinh viên ngành GDTC đi thực tế, thực tập lên lớp giảng dạy giờ học GDTC thử, nâng cao trình độ, rèn luyện chuyên môn, thực hành các kiến thức đã được học.

- Giải pháp 7: Thường xuyên tổ chức các hoạt động thi đấu, vui chơi, giải trí mang tính tập thể, đội, nhóm giúp sinh viên giao tiếp trao đổi với nhau nhiều hơn.

- Giải pháp 8: Cần tăng thời lượng chương trình giảng dạy môn Giao tiếp sư phạm, Tâm lý lứa tuổi và sư phạm để sinh viên Ngành GDTC có thời gian thực hành, rèn luyện kỹ năng giao tiếp.

- Giải pháp 9: Đoàn thanh niên, Hội sinh viên của Khoa GDTC cần phối hợp để tổ chức các hoạt động giao tiếp qua các hoạt động sinh hoạt tại các câu lạc bộ như: Câu lạc bộ TDTT, Câu lạc bộ Khoa học trẻ, Câu lạc bộ sư phạm TDTT... tổ chức cho sinh viên Ngành GDTC giao lưu với sinh viên của các trường khác.

2.2. Kết quả kiểm định tính khả độ tin cậy và tính khả thi của một số giải pháp nâng cao khả năng giao tiếp của sinh viên

Để các giải pháp mang tính khách quan, chúng tôi tiến hành xây dựng phiếu phỏng vấn để phỏng vấn 18 chuyên gia, giảng viên nhằm xác định mức độ tin cậy và tính khả thi của từng giải pháp. Kết quả được trình bày ở các bảng sau đây:

Bảng 5. Độ tin cậy của các giải pháp

Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số Cronbach's Alpha tổng	N
0.931	0.932	9

Bảng 6. Hệ số tin cậy của từng giải pháp (Item-Total Statistics)

Nội dung	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan tổng thể	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Giải pháp 1	35.278	10.801	0.605	0.932
Giải pháp 2	35.389	10.605	0.65	0.929
Giải pháp 3	35.556	10.144	0.863	0.916
Giải pháp 4	35.389	10.487	0.688	0.927
Giải pháp 5	35.389	10.605	0.65	0.929
Giải pháp 6	35.556	10.144	0.863	0.916
Giải pháp 7	35.444	10.497	0.69	0.927
Giải pháp 8	35.556	10.144	0.863	0.916
Giải pháp 9	35.556	10.144	0.863	0.916

Bảng 7. Kết quả phỏng vấn tính khả thi của các giải pháp

Nội dung	n	Min	Max	Trung vị	Độ lệch tiêu chuẩn
Giải pháp 1	18	4	5	4.61	0.5
Giải pháp 2	18	4	5	4.5	0.51
Giải pháp 3	18	4	5	4.33	0.49
Giải pháp 4	18	4	5	4.5	0.51
Giải pháp 5	18	4	5	4.5	0.51
Giải pháp 6	18	4	5	4.33	0.49
Giải pháp 7	18	4	5	4.44	0.51
Giải pháp 8	18	4	5	4.33	0.49
Giải pháp 9	18	4	5	4.33	0.49
Valid N (listwise)	18				

Kết quả tính toán ở bảng 5 và bảng 6 cho thấy độ tin cậy của chung của các giải pháp Cronbach's Alpha > 0.931; hệ số tin cậy của từng giải pháp Cronbach's Alpha > 0.916, các hệ số tương quan với biến tổng đều lớn hơn 0.3. Điều này cho thấy 9 giải pháp nâng cao năng lực giao tiếp của sinh viên đều có độ tin cậy cao.

Kết quả tính toán ở bảng 7 cho thấy: Các mức trả lời (Theo thang độ đo Likert: Mức đo là khả thi với 5 mức từ rất không khả thi đến rất khả thi) từ mức 4 đến mức 5, các giá trị trung bình (mean) từ 4.33 – 4.61, độ lệch chuẩn (Std. Deviation) rất thấp từ 0.49 – 0.51. Điều này cho thấy các giải pháp được đánh giá là khả thi và rất khả thi.

Như vậy, các giải pháp đảm bảo được độ tin cậy và có tính khả thi cao trong việc ứng dụng để nâng cao khả năng giao tiếp cho sinh viên ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh.

KẾT LUẬN

1. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đặc điểm giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC được thể hiện ở một số mặt sau:

- Nhu cầu giao tiếp của sinh viên ngành GDTC là rất cao nhưng tỷ lệ % ở các mức độ là không đều và khoảng cách chênh lệch giữa các mức độ rất lớn.

- Nội dung giao tiếp hàng ngày của sinh viên Ngành GDTC rất phong phú và đa dạng, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực chuyên môn, còn các nội dung khác các sinh viên còn ít quan tâm.

- Kỹ năng giao tiếp hàng ngày của sinh viên Ngành GDTC hầu hết là ở mức thấp và mức trung bình, mức cao và mức trung bình cao chiếm tỷ lệ rất ít.

- Mức độ cởi mở cá nhân trong giao tiếp của sinh viên Ngành GDTC tập trung ở mức trung bình (hay mức vừa phải), còn các mức độ khác chiếm tỷ lệ rất thấp.

2. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 9 giải pháp nâng cao khả năng giao tiếp cho sinh viên ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh. Tập trung vào việc giáo dục, trang bị tri thức giao tiếp, tự đánh giá khả năng giao tiếp, tổ chức hoạt động thi đấu giao lưu thể thao, sử dụng phương pháp và hình thức dạy học để phát huy tối đa khả năng giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh (1998), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Khoa Giáo dục thể chất (2012), *Đặc điểm giao tiếp của sinh viên ngành GDTC*, Đề tài cấp cơ sở Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Thị Oanh (1995), *Tâm lý học truyền thông và giao tiếp*, Nxb phụ nữ.

4. Trang Web Tài liệu.vn, *Các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp*, Kỹ năng giao tiếp.

(Bài nộp ngày 9/10/2017, Phản biện ngày 30/10/2017, duyệt in ngày 28/11/2017)

Chịu trách nhiệm chính: Tạ Hoàng Thiện.

Email: tahoangthien@yahoo.com.vn)